

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/DS-ST
Ngày: 29/11/2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Ký

2. Ông Hồ Văn Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Nhật Chuyên, thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Vợ chồng ông Lâm Khắc V – sinh năm 1979, bà Lưu Thị Kim C – sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố P, phường X, thị xã C, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962; địa chỉ: 258 T, phường 4, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Có mặt.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Thành Đ – sinh năm 1955, bà Võ Thị K – sinh năm 1955; địa chỉ: Khu phố V, phường X, thị xã C, tỉnh Phú Yên.

Bà Khế vắng mặt, ông Đồng có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2019, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên vợ chồng ông Lâm Khắc V, bà Lưu Thị Kim C (vợ chồng ông V, bà C) có bán tôm hùm cho vợ chồng ông Nguyễn Thành Đ, bà Võ Thị K (vợ chồng ông Đ, bà K); hai bên chốt sổ tính đến ngày 07/8/2019, số nợ 1.465.370.000 đồng. Sau đó, vợ chồng ông Đ, bà K đã trả 120.000.000 đồng, còn lại 1.345.370.000 đồng. Ngày 10/9/2019, vợ chồng ông Đ, bà K đã trả tiếp 200.000.000 đồng, hiện còn nợ 1.145.370.000 đồng. Vợ chồng ông V, bà C khởi kiện, yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà K phải thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền 1.145.370.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thành Đ, bà Võ Thị K trình bày: Thừa nhận có mua tôm hùm của vợ chồng ông V, bà C, đã chốt sổ đến ngày 07/8/2019 số nợ 1.465.370.000 đồng, đã trả 120.000.000 đồng, còn lại 1.345.370.000 đồng. Ngày 10/9/2019 đã trả tiếp 200.000.000 đồng. Hiện nay còn nợ 1.145.370.000 đồng. Vợ chồng tôi hiện nay kinh tế khó khăn nên không có khả năng thanh toán một lần số tiền 1.145.370.000 đồng cho nguyên đơn, yêu cầu tòa tạo điều kiện cho vợ chồng tôi được trả nợ từng lần cho đến khi hết nợ.

Tòa án nhân dân thị xã C đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông V bà C, buộc bị đơn vợ chồng ông Đ bà K phải thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền 1.145.370.000 đồng và chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ xuất phát từ giao dịch mua bán tôm giữa hai bên nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Bị đơn thường trú tại khu phố V, phường X, thị xã C, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C. Tại phiên tòa, bị đơn bà Khế vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông V, bà C yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà K thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ:*

[2.1] Theo ghi nhận tại sổ chốt nợ do vợ chồng ông V, bà C cung cấp, vợ chồng ông Đ, bà K ký xác nhận còn nợ số tiền là 1.465.370.000 đồng tính đến ngày 07/8/2019 từ giao dịch mua bán tôm giữa các bên. Sau đó, vợ chồng ông Đ, bà K đã trả 120.000.000 đồng, còn lại 1.345.370.000 đồng. Ngày 10/9/2019, vợ chồng ông Đ, bà K đã trả tiếp 200.000.000 đồng, hiện còn nợ 1.145.370.000 đồng.

[2.2] Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, vợ chồng ông Đ, bà K thống nhất nội dung chốt nợ số tiền 1.465.370.000 đồng tính đến ngày 07/8/2019 tại sổ chốt nợ, thống nhất lời trình bày của vợ chồng ông V, bà C, xác nhận có mua tôm của vợ chồng ông V, bà C và hiện tại còn nợ số tiền 1.145.370.000 đồng. Do đó, đủ cơ sở xác định vợ chồng ông Đ, bà K còn nợ vợ chồng ông V, bà C số tiền 1.145.370.000 đồng là có thật trên thực tế, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 1.145.370.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng. 2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản....”. Do đó, vợ chồng ông Đ, bà K yêu cầu được thanh toán với hình thức trả dần 100.000.000 đồng trong thời hạn 20 ngày, sau đó xin trả dần mỗi tháng 40.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng vợ chồng ông V, bà C không đồng ý nên cần buộc vợ chồng ông Đ, bà K phải thanh toán một lần số tiền 1.145.370.000 đồng còn nợ cho vợ chồng ông V, bà C.

[3] *Về án phí:*

[3.1] Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn vợ chồng ông Đ, bà K phải chịu 46.361.100đ [36.000.000đ + (3% x 345.370.000đ)] tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do vợ chồng ông Đồng – sinh năm 1955, bà Khế - sinh năm 1955 (64 tuổi) là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn tiền án phí quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Hoàn trả cho nguyên đơn vợ chồng ông V, bà C số tiền 26.180.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2015/0007059 ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã C, tỉnh Phú Yên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 430, 434, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông Lâm Khắc V , bà Lưu Thị Kim C theo đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2019. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thành Đ , bà Võ Thị K có nghĩa vụ thanh toán một lần tiền nợ do mua tôm cho vợ chồng ông Lâm Khắc V , bà Lưu Thị Kim C số tiền 1.145.370.000 đồng (*Một tỷ một trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng*).

2. Án phí:

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thành Đ , bà Võ Thị K được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn vợ chồng ông V , bà C số tiền 26.180.000đ (*Hai mươi sáu triệu một trăm tám mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2015/0007059 ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã C, tỉnh Phú Yên.

Khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TX.C (02);
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- Chi cục THA TX.C (01);
- Án văn (01);
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Thị Ngọc Tiên

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA